

Số: 1871/TB-BVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

GIÁ DỊCH VỤ “NGÀY GIƯỜNG KHOA D”.

(Thực hiện theo Quyết định 1870/QĐ-BVTV ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Giám đốc Bệnh viện Trung Vương)

Đơn vị: đồng

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
1	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	1.170.000	558.600	611.400
Phòng 1 giường				
2	<u>Nội khoa Loại 1:</u> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	900.000	305.500	594.500
3	<u>Nội khoa Loại 2:</u> Các Khoa: Cơ Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	810.000	273.800	536.200
4	<u>Ngoại khoa Loại 1 :</u> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	1.140.000	400.400	739.600
5	<u>Ngoại khoa Loại 2 :</u> Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	1.040.000	364.400	675.600
6	<u>Ngoại khoa Loại 3 :</u> Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	920.000	320.700	599.300

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
7	<u>Ngoại khoa Loại 4 :</u> Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	820.000	286.700	533.300
Phòng 2 giường				
8	<u>Nội khoa Loại 1:</u> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	780.000	305.500	474.500
9	<u>Nội khoa Loại 2:</u> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	700.000	273.800	426.200
10	<u>Ngoại khoa Loại 1 :</u> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	990.000	400.400	589.600
11	<u>Ngoại khoa Loại 2 :</u> Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	900.000	364.400	535.600
12	<u>Ngoại khoa Loại 3 :</u> Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	800.000	320.700	479.300
13	<u>Ngoại khoa Loại 4 :</u> Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	710.000	286.700	423.300
Phòng 4 giường				

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
14	<u>Nội khoa Loại 1:</u> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	660.000	305.500	354.500
15	<u>Nội khoa Loại 2:</u> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sân không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	590.000	273.800	316.200
16	<u>Ngoại khoa Loại 1 :</u> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	840.000	400.400	439.600
17	<u>Ngoại khoa Loại 2 :</u> Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	770.000	364.400	405.600
18	<u>Ngoại khoa Loại 3 :</u> Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	680.000	320.700	359.300
19	<u>Ngoại khoa Loại 4 :</u> Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	610.000	286.700	323.300
2 Phòng (7 giường)				
20	<u>Nội khoa Loại 1:</u> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	540.000	305.500	234.500

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
21	<u>Nội khoa Loại 2:</u> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	540.000	273.800	266.200
22	<u>Ngoại khoa Loại 1 :</u> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	690.000	400.400	289.600
23	<u>Ngoại khoa Loại 2 :</u> Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	630.000	364.400	265.600
24	<u>Ngoại khoa Loại 3 :</u> Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	560.000	320.700	239.300
25	<u>Ngoại khoa Loại 4 :</u> Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	500.000	286.700	213.300

Thông báo có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Nơi nhận:

- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, TKCT (CTMP/03b)



GIÁM ĐỐC

BS. CKII Huỳnh Ngọc Hón